TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HC- PT
Ngày: 14-01-2025
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính xử lý về thuế, quyết định hành chính giải quyết khiếu nại về thuế, hành vi hành chính trong lĩnh vực thuế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Nhàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 402/2023/TLPT-HC ngày 15 tháng 6 năm 2023, về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính xử lý về thuế, quyết định hành chính giải quyết khiếu nại về thuế, hành vi hành chính trong lĩnh vực thuế"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 133/2023/HC-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3608/2024/QĐ-PT ngày 18/12/2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Hồ Thanh H, sinh năm 1953, địa chỉ: Số B đường N, Phường B, quận B, Thành phố H).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Đỗ Hiền N, Công ty L. Địa chỉ: 2 D, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh(có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh

2. Cục Thuế Thành phố H.

địa chỉ: Số F đường V, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Thái Minh G – Phó Cục trưởng (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Lê Hữu C và Bà Ngô Ngọc T – kiểm tra viên thuế (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1966, địa chỉ: E Quốc lộ E, Ấp E, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H, địa chỉ: F đường B, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Hồ Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện nhận được các Quyết định xử lý số 544/QĐ/CT-NQD2 ngày 22/12/2002 và Quyết định xử lý số 2606/QĐXL-NQD2 ngày 07/04/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H nhưng không đồng ý nên đã tiến hành khiếu nại tại Cục Thuế Thành phố H. Kết quả giải quyết khiếu nại là Quyết định số 917/QĐ-GQKN ngày 07/10/2003, theo đó Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H giữ nguyên hai quyết định trên.

Ngày 29/07/2004, ông H đã bị bắt vì tội "Trốn thuế" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Quyết định khởi tố bị can số 35/PC5 ngày 22/04/2004 của Bộ C3. Trong quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành điều tra, người khởi kiện đã bị tạm giam từ ngày 29/07/2004 đến 11/12/2006. Sau đó, người khởi kiện nhận được Quyết định đình chỉ điều tra vụ án số 608-58 ngày 16/05/2012 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H. Trong quá trình bị khởi tố, ông H và vợ đã nộp số tiền 1.800.000.000 đồng theo các Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản ngày 03/3/2004, 06/4/2004, 24/9/2004 và 08/4/2005. Số tiền này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã chuyển cho Cục Thuế Thành phố H để xử lý vi phạm hành chính sau khi có Kết luận điều tra vụ án ngày 16/5/2012 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Ngày 20/08/2012, ông H đã làm Đơn đề nghị Cục Thuế Thành phố H hủy bỏ hai quyết định là Quyết định số 544/QĐ/CT-NQD2 và Quyết định số 2606/QĐXL-NQD2; trả lại phần tài sản 1.800.000.000 đồng mà Cơ quan Thuế đang cầm giữ trái pháp luật.

Tháng 11 năm 2012, người khởi kiện nhận được Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H. Về nội dung, Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4 có số liệu chứa số liệu của Quyết định số 2606/QĐXL-NQD2. Năm 2013, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H ban hành

Quyết định số 310/QĐ-CT-KT4 ngày 29/01/2013 về việc sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4.

Ngày 18/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ban hành Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự số 223-05 hủy bỏ Quyết định đình chỉ điều tra vụ án số 223-02 ngày 16/05/2012 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

1. Quyết định xử lý số 544/QĐ/CT-NQD2 ngày 22/01/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H;

2. Quyết định xử lý số 2606/QĐXL-NQD2 ngày 07/4/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H;

3. Quyết định số 917/QĐ-GQKN ngày 07/10/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại Quyết định xử lý số 544/QĐ/CT-NQD2 và Quyết định xử lý số 2606/QĐXL-NQD2;

4. Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính;

5. Quyết định số 310/QĐ-CT-KT4 ngày 29/01/2013 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H;

Ngoài ra còn yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của Cục Thuế Thành phố H đang giữ số tiền 1.800.000.000 đồng của vợ chồng ông H và bà Phạm Thị Hải Y là trái pháp luật. Yêu cầu Cục Thuế Thành phố H trả lại 1.800.000.000 đồng đang cầm giữ trái pháp luật.

Người bị kiện không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

Tại Đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 07/11/2012, 15/11/2012, Đơn khởi kiện bổ sung nộp ngày 22/7/2022, Biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2022 và Biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 20/7/2022, cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Người khởi kiện nhận được các Quyết định xử lý số 544/QĐ/CT-NQD2 và Quyết định xử lý số 2606/QĐXL-NQD2 nhưng không đồng ý nên đã tiến hành khiếu nại tại Cục Thuế Thành phố H. Kết quả giải quyết khiếu nại là Quyết định số 917/QĐ-GQKN, theo đó Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H giữ nguyên hai quyết định trên. Ngày 09/10/2003 người khởi kiện tiếp tục khiếu nại lên Tổng cục T3. Trong quá trình chờ Tổng cục T3 giải quyết thì ngày 29/07/2004, người khởi kiện đã bị bắt vì tội "Trốn thuế" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Quyết định khởi tố bị can số 35/PC5. Trong quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành điều tra, người khởi kiện đã bị tạm giam từ ngày 29/07/2004 đến 11/12/2006. Vụ án hình sự này đã qua bốn lần giám định, trong đó có Kết luận giám định về thuế GTGT của Hội đồng giám định được thành lập theo Quyết định số 2915/QĐ-BTC ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ T4 tuyên

bố người khởi kiện không trốn thuế, các lần giám định đều cho rằng "không có thiệt hại xảy ra". Sau đó, người khởi kiện nhận được Quyết định đình chỉ điều tra vụ án số 608-58 ngày 16/05/2012 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H. Trong quá trình bị khởi tố, người khởi kiện và vợ đã nộp số tiền 1.800.000.000 đồng. Số tiền này hiện tại Cục Thuế Thành phố H đang giữ theo bàn giao của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H. Ngày 20/08/2012, người khởi kiện đã làm Đơn đề nghị Cục Thuế Thành phố H hủy bỏ hai quyết định là Quyết định số 544/QĐ/CT-NQD2 và Quyết định số 2606/QĐXL-NQD2; trả lại phần tài sản 1.800.000.000 đồng mà Cơ quan Thuế đang cầm giữ trái pháp luật.

Năm 2012, người khởi kiện nhận được Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H. Về nội dung, Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4 có số liệu chứa cả số liệu của Quyết định số 544/QĐ/CT-NQD2 và Quyết định số 2606/QĐXL-NQD2

Lý do yêu cầu hủy Quyết định số 544/QĐ/CT-NQD2 và Quyết định số 2606/QĐXL-NQD2: việc Công ty Cổ Phần V, Chi nhánh I nếu có vi phạm không kê khai hóa đơn hàng hóa đã xuất bán cho người khởi kiện không hề ảnh hưởng đến người khởi kiện vì người khởi kiện là người mua. Vì vậy, việc Cục T1 cho rằng các Công ty kia vi phạm nên ra Quyết định xử lý người khởi kiện là hành vi trái pháp luật. Người khởi kiện không có vi phạm gì trong vụ việc này cũng như kê khai thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết luận Giám định cũng như Kết quả điều tra cũng đã khẳng định rõ sự kiện này là người khởi kiện không trốn thuế hay lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 29/07/2004, Bộ C3 đã ra lệnh bắt giữ người khởi kiện về tội "Trốn thuế", sau đó truy tố bổ sung thêm "Tội lừa đảo ...". Như vậy, trong trường hợp này, Cục T phải ra Quyết định hủy bỏ 02 quyết định trên theo điểm c, khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 134/2003/NĐ-CP nhưng Cục Thuế Thành phố H vẫn không ra các quyết định hủy bỏ.

Hoạt động tố tụng hình sự có giá trị cao nhất so với tất cả các hoạt động khác như hành chính, dân sự ... Vì vậy, Công an Thành phố H đã tiến hành Giám định tư pháp toàn diện D. Kết quả Giám định đều cho thấy D không trốn thuế cũng như không hoạt động sai trái. Chính các Kết luận giám định tư pháp đã buộc Cơ quan Công an Thành phố H phải tuyên trả tự do, không phạm tội cho người khởi kiện.

Trong trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự, coi như theo pháp luật, bản thân người khởi kiện không chịu trách nhiệm hành chính. Vì vậy, Cục T không hủy bỏ 02 quyết định trên là sai trái, gây thiệt hại cho người khởi kiện.

Trong vụ án này, Cơ quan Công an Thành phố H chỉ có thẩm quyền duy nhất là xem xét Kết luận giám định của tất cả các Giám định viên và Hội đồng giám định tư pháp. Bản thân Cơ quan Công an Thành phố H không có thẩm quyền để chỉ đạo Cục T như hiện nay.

Kết luận Giám định tư pháp có giá trị cao nhất, vì vậy, những công việc mà Cục T áp đặt với D là trái với các Kết luận giám định và coi như không có giá trị pháp lý.

Đối với Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4:

Trong quá trình thực hiện việc điều tra vụ án, phía Cơ quan Cảnh sát điều tra cho rằng họ đúng hơn các Hội đồng giám định cũng như các Giám định viên khác. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra yêu cầu Cục Thuế Thành phố H thực hiện việc ban hành Quyết định trên với căn cứ không có trên thực tế là "Sử dụng hóa đơn giả ...". Nhưng thực tế hiện nay cũng như điều tra trước đây, Cơ quan Cảnh sát điều tra không tìm ra một hay nhiều tờ hóa đơn giả nào của Doanh nghiệp người khởi kiện.

D đã được các Hội đồng giám định kết luận là không trốn thuế cũng như không sử dụng hóa đơn bất hợp pháp mà Công an và Cục T vẫn lấy làm căn cứ để ban hành Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4.

Đối với vụ án hình sự "Trốn thuế" "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa nhiều lần nhưng Hội đồng xét xử đã không kết luận người khởi kiện phạm tội như trên. Dẫn đến việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công anh Thành phố Hồ Chí Minh phải đình chỉ vụ án. Đến nay, Công an và Cục Thuế Thành phố H xem người khởi kiện là kẻ trốn thuế là điều không thể chấp nhận được.

Trong thời gian đang khiếu nại lần 2 theo thủ tục hành chính tại Tổng cục T3 đối với Quyết định 544/QĐ/CT-NQD2 và Quyết định 2606/QĐXL-NQD2 thì ngày 29/07/2004 người khởi kiện bị Bộ C3 ra Quyết định bắt tạm giam theo Quyết định số 35/PC5 ngày 22/04/2004 của Bộ C3 về tội "Trốn thuế" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định 544/QĐ/CT-NQD2:

Trong quá trình Tổng cục Thuế đang giải quyết khiếu nại thì ngày 29/07/2004, người khởi kiện bị bắt tạm giam. Theo quy định của pháp luật, trong trường hợp này, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H phải áp dụng Điều 62 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, điểm c khoản 2 Điều 3 của Nghị định 134/2003/NĐ-CP để ra quyết định hủy bỏ Quyết định 544/QĐ/CT-NQD2 đồng thời chuyển toàn bộ hồ sơ hành chính thuế cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Thành phố H nhưng Cục trưởng Cục T không làm. Đây là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của người khởi kiện.

Về nội dung: tính toán số liệu sai của Cục T:

Tại Biên bản kiểm tra tình hình kê khai nộp thuế từ tháng 9/2001 đến tháng 7/2002, Đội kiểm tra tính như sau:

Hóa đơn	Mặt hàng	Doanh thu

Ký hiệu	Số	Ngày tháng		
NV/00-N	75.358	07/10/01	Cá mai chế biến khô	490.000.000
NV/00-N	75.490	06/12/01	Cá khô chế biến các loại	377.500.000
NV/00-N	75.324	11/09/01	Cá chỉ tẩm, cá cơm tẩm	440.000.000
SB/01-N	90.012	24/02/02	Nhà xưởng, văn phòng	2.334.000.000
Cộng				3.641.500.000

Điều chỉnh tăng thuế GTGT để truy thu là:

3.641.500.000 đ x 5% = 182.075.000 đồng

Trong khi đó Hóa đơn GTGT (Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa bịch vụ bán ra) phản ánh số liệu được tính đúng phải như sau:

Hóa đơn			Mặt hàng	Số lượng (Kg)	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền
Ký hiệu	Số	Ngày tháng				
NV/00-N	75.490	06/12/01	Cá khô chế biến các loại	13.500	25.000	337.500.000
Cộng						337.500.000

Do vậy, số liệu trên Biên bản phải được tính lại. Cụ thể:

Hóa đơn			Mặt hàng	Doanh thu
Ký hiệu	Số	Ngày tháng		
NV/00-N	75.358	07/10/01	Cá mai chế biến khô	490.000.000
NV/00-N	75.490	06/12/01	Cá khô chế biến các loại	337.500.000
NV/00-N	75.324	11/09/01	Cá chỉ tẩm, cá cơm tẩm	440.000.000
SB/01-N	90.012	24/02/02	Nhà xưởng, văn phòng	2.334.000.000
Cộng				3.601.500.000

Như vậy, ngay cả trường hợp DNTN bị phạt, bị xử lý do áp sai thuế suất thì số tiền 182.075.000 đồng cũng không đúng. Do vậy, căn cứ này cũng đủ cơ sở

để hủy Quyết định 544/QĐ/CT-NQD2. Đồng thời số tiền phạt 500.000 đồng cũng bị truy thu 02 lần.

Về việc áp lại thuế suất thuế GTGT từ 5% lên 10%:

Cần phải xác định là nguyên vật liệu thủy sản, lâm sản…. sơ chế hoặc chế biến nhưng chưa chín, chưa ăn trực tiếp được thì thuế suất GTGT là 5%. Khi nguyên liệu này được chế biến thành thực phẩm thì thuế suất GTGT là 10%.

Ví dụ: Mặt hàng gạo, ngô … thuế suất GTGT là 5%. Từ lúa, trái ngô đến hạt gạo, hoạt ngô có chế biến không. Ai cũng trả lời là có. Đó là quá trình gặt, phơi, xay mới có được hạt gạo, hạt ngô. Tuy nhiên, nếu nấu thành cơm, ngô rang hay xôi gì đó thì đương nhiên trở thành thực phẩm và lập tức có thuế suất là 10%.

Cơ sở nào để Cục trưởng Cục T cho rằng 03 mặt hàng có tên gọi là: Cá mai chế biến khô, Cá khô chế biến các loại, C1 chỉ tẩm, cá cơm tẩm là mặt hàng thực phẩm chứ không phải là mặt hàng nguyên liệu người ta mua về để chế biến thành thực phẩm.

Điều quan trọng nhất là Đại diện Cục Thuế chỉ nhìn tên hàng hóa trên Hóa đơn GTGT mà áp thuế chứ không xem, không biết, không thấy mẫu hàng hóa để biết thực chất 03 mặt hàng trên có phải là thực phẩm không để áp dụng Điểm 3.9. Tiểu mục 3 Mục II Phần B mà áp ngay thuế suất 10%. (Điểm 3.9 Đường, sữa. bánh, kẹo, nước giải khát và các loại thực phẩm chế biến khác.)

Các mặt hàng này, D cũng nhận chuyển nhượng từ các Doanh nghiệp khác với mức thuế suất 5%. Thực chất là cung cấp nguyên liệu cho các Công ty có năng lực, nhà máy, thương hiệu … để họ chế biến thành thực phẩm thủy sản đưa ra tiêu thụ. Vì vậy, việc áp tăng thuế GTGT từ 5% lên 10% đối với các mặt trên là không đúng với quy định Thuế suất tại Thông tư 122/2000/TT-BTC.

Việc Cục Trưởng Cục Thuế xử lý Công ty Cổ phần V mua bán với D;

Mặc dù Cục T không hủy Quyết định 544/QĐ/CT-NQD2, chuyển toàn bộ hồ sơ hành chính sang Công an Thành phố H nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đều khẳng định việc mua bán này là có thật nên Công ty V sử dụng hóa đơn hợp pháp.

Trong Biên bản kiểm tra tình hình kê khai nộp thuế từ tháng 9/2001 đến tháng 7/2001 vào ngày 29/11/2002, B liệt kê các hóa đơn đầu vào trong tháng 9 năm 2001 do Công ty cổ phần V xuất bán như sau:

Ký hiệu	Số HĐ	Ngày	Tên đơn vị xuất hóa đơn	Mã số thuế	Doanh thu	Thuế GTGT
KM/01-N	056678	25/09/01	Công ty Vân Anh	0302011548	7.863.600.000	786.360.000

KM/01-N	056679	25/09/01	Công ty Vân Anh	0302011548	623.500.000	6.325.000
Cộng					8.487.100.000	817.535.000

Đội kiểm tra ghi nhận rõ rằng là: "Sau khi nhận hồi báo xác minh của 2 hóa đơn kia, nếu có sai lệch đội kiểm tra sẽ lập biên bản xử lý bổ sung".

Cho đến nay, chưa hề có Biên bản bổ sung xử lý nhưng Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H vẫn ra Quyết định 544/QĐ/CT-NQD2.

Sau khi xem xét lại tài liệu kế toán, D cam kết "một phần lô hàng liệt kê trên được xuất khẩu cho đối tác nước ngoài". Chi tiết như sau:

Hóa đơn đầu vào: 056678 do Công ty V phát hành;

Người xuất khẩu: D;

Người nhập khẩu: S;

Cảng đi: Tân Cảng Thành phố H;

Cảng đến: Hồ N;

Số lượng: 53 tấn Mực khô nguyên con;

Trị giá: 7.102.000.000 đồng.

Hiện nay, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đang thu giữ tài liệu kế toán nên D không thể trình số liệu các Bộ tờ khai khai quan (Tờ khai hải quan, Bill of lading, C/o…), Bản gốc Hóa đơn GTGT ra Tòa án. Mặt khác, hàng hóa còn lại của 02 hóa đơn kia được D tiêu thụ, kinh doanh mua bán nội địa.

Về Quyết định số 2606/QĐXL/NQD2:

Trong Điều 1 của Quyết định hành chính này, Cục T khẳng định như sau: "… Đã sử dụng hóa đơn nghi vấn. Nay tạm không thực hiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào, không tính vào chi phí, thu hồi và truy thu vào ngân sách số thuế sau: …".

Ngày 22/07/2004 Bộ C3 ra Quyết định khởi tố vụ án về tội "Trốn thuế" và tội "Lừa đảo chiếm đọa tài sản". Ngày 29/07/2004 người khởi kiện bị bắt tạm giam.

Theo Kế luận Điều tra, chỉ có 5 Doanh nghiệp cùng D thực hiện hành vi phạm tội "Trốn thuế" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Chi tiết cụ thể như sau:

stt	Tên doanh nghiệp	số hóa đơn	Doanh số	Thuế GTGT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

1	XNDV KD Nông sản	128	37.589.144.075	3.758.914.408
2	XNCB KD Nông sản	80	57.251.708.500	5.254.767.750
3	Cty TNHH Thương Binh Đông Hà	246	141.672.938.430	7.760.261.756
4	CN Cty TM Hải Phòng	6	8.071.714.000	807.171.400
5	CN Cty XNK INTIMEX tại Đồng Nai	53	57.479.362.800	3.728.184.715
Cộng		513	302.064.867.805	21.309.300.029

Trong đó tiền thuế GTGT phân bổ như sau:

Hoàn thuế: 6.858.359.734 đồng;

Khấu trừ: 14.450.940.295 đồng;

(Kết quả thuế GTGT này do Hội đồng giám định chấp thuận)

Như vậy, khi Cơ quan Cảnh sát điều tra khởi tố vụ án, pháp luật bắt buộc Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H phải hủy Quyết định 2606/QĐXL-NQD2 thì họ đã không làm. Điều đó cho thấy tồn tại hành vi xử lý hành chính của Cục trưởng Cục T và hành vi xử lý trách nhiệm hình sự của các Cơ quan tố tụng.

Về nội dung:

Thu hồi số tiền thuế GTGT là 3.728.184.715 đồng. (D là người mua nghĩa là người chịu thuế nên đã đóng tiền thuế GTGT ngay khi nhận hóa đơn GTGT từ Chi nhánh I là người nộp thuế nên nghĩa vụ nộp thuế là của I chứ không phải của D. 53 hóa đơn này do I phát hành vậy mà Cục T truy thu thuế GTGT số tiền 826.190.442 đồng đối với D. Từ đó, số tiền thuế GTGT thu hồi lại được xem "không tính vào chi phí" nên xem là doanh thu. Vì vậy, D phải chịu thêm 1.287.537.727 đồng thuế TNDN là việc làm không thể nào chấp nhận được.

Việc không hủy Quyết định 2606/QĐXL-NQD2, chuyển toàn bộ hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H là vi phạm pháp luật. Khoản 4 Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính quy định: "Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần". Pháp luật không cho phép trong khoảng thời gian kể từ ngày bị bắt (29/09/2004) đến ngày đình chỉ vụ án (16/05/2012) bản thân ông H bị hai chủ thể là Cục T và Cơ quan tố tụng hình sự xử lý về một hành vi.

Trang 24 Kết luận giám định thuế GTGT ngày 21/09/2007 của Hội đồng giám định tư pháp - Bộ T4 khẳng định: "…Qua kiểm tra, Hội đồng giám định thấy: I đã kê khai với cơ quan thuế toàn bộ số hóa đơn GTGT đầu ra (bán cho D và các doanh nghiệp khác) và hóa đơn đầu vào (53 hóa đơn mua mua hàng hóa của các đơn vị nêu trên) theo đúng quy định của pháp luật thuế. Tại Biên bản

thanh tra việc hoàn thuế tại Chi nhánh Công ty I1 tại Đồng Nai của Cục Thuế tỉnh Đ lập ngày 04/01/2002 xác nhận đã kiểm tra việc kê khai, hoàn thuế của Chi nhánh từ tháng 8 năm 1999 đến tháng 8 năm 2001…"

Vì vậy, đề nghị Tòa án hủy bỏ ngay lập tức Quyết định hành chính này của Cục trưởng Cục T.

Về Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4

Kết luận giám định ghi nhận thuế GTGT của D như sau:

Hoàn thuế: 6.858.359.734 đồng;

Khấu trừ: 14.450.940.295 đồng;

Tổng cộng: 21.309.300.029 đồng;

Ngày 16/05/2012, sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra kết thúc vụ án, đình chỉ điều tra, theo quy định tại Điều 63 Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 2002, "… trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án kèm theo hồ sơ vụ vi phạm và đề nghị xử phạt hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính…."

Tuy nhiên, họ không chuyển hồ sơ cho Cục T mà chỉ gửi Công văn số 1222/CV-PC46. Cục trưởng Cục T nhận thức rằng Cơ quan Cảnh sát điều tra khẳng định D sử dụng hóa đơn bất hợp pháp nên Cục trưởng Cục Thuế làm theo yêu cầu của Cảnh sát điều tra truy thu số tiền thuế GTGT là 16.959.077.982 đồng.

Ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính mà không có hồ sơ, số liệu không đúng. Không tự mình ra Quyết định như yêu cầu của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính mà chỉ làm theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra là việc làm không chấp thuận được đối với Cục trưởng Cục Thuế.

Một hành vi bị cho rằng sử dụng hóa đơn bất hợp pháp nhưng 03 Quyết định hành chính có những phương pháp xử lý hành vi hành chính khác nhau như sau:

Stt	Số hiệu Quyết định	Thu hồi thuế GTGT	Truy thu thuế GTGT	Thu hồi thuế TNDN	Tổng cộng
1	QĐ số: 544/QĐ/CL-NQD2	0	999.610.000	0	999.610.000
2	QĐ số: 2606/QĐXL-NQD2	3.728.184.715	862.190.442	1.287.537.727	5.877.912.884
3	QĐ số: 4794/QĐ-CL-KT4	0	16.959.077.982	0	16.959.077.982
	Tổng	3.728.184.715	18.820.878.424	1.287.537.727	23.836.600.866

Qua nghiên cứu các quy định pháp luật như sau:

Khoản 4 Điều 3; Điều 62; Điều 63 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính năm 2002.

Điểm c, Khoản 2, Điều 3; Điều 29 Nghị định 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003.

Các quy định về Thuế GTGT tại Thông tư 122/2000/TT-BTC.

Người khởi kiện nhận thấy việc Cục Thuế Thành phố H không ra Quyết đinh hủy bỏ Quyết định 544//QĐ-CT-NQD2 và Quyết định số 2606/QĐXL-NQD2 và chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H là không đúng.

Mặt khác, số tiền thuế GTGT đang âm là 1.494.526.340 đồng mà Cục T phải hoàn lẽ ra phải chuyển qua cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để họ quản lý nhưng Cục T vẫn không chuyển qua. Trái lại, Cục T đã chuyển thẳng và trừ nợ tiền thuế GTGT và Thuế TNDN của Quyết định 544/QĐ-CT-NQD2 và Quyết định 2606/QĐXL-NQD2 đã xử lý trước.

Lý do yêu cầu hủy Quyết định số 917/QĐ-GQKN là vì quyết định này bác yêu cầu khiếu nại của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định hành chính người khởi kiện yêu cầu hủy. Và lý do hủy Quyết định số 310/QĐ-CT-KT4 giống lý do hủy Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4.

Năm 2015, 2016, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu Cục T ra quyết định hoàn thuế số tiền 1.631.152.488 đồng và tiền lãi.

Người khởi kiện là Ông Hồ Thanh H trình bày:

Ông yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của Cục Thuế Thành phố H đang giữ số tiền 1.800.000.000 đồng của vợ chồng ông H và bà Phạm Thị Hải Y là trái pháp luật. Yêu cầu Cục Thuế Thành phố H trả lại 1.800.000.000 đồng đang cầm giữ trái pháp luật cho vợ chồng ông. Lý do khởi kiện vì số tiền này là tài sản của vợ chồng ông, ông chỉ biết khi nộp là để tại ngoại, còn các biên bản vợ chồng ông ký khi nộp là do Cơ quan Công an lập.

Tại Văn bản ngày 25/6/2020, 09/02/2023, người bị kiện là Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H và Cục Thuế Thành phố H trình bày:

1- Vấn đề khiếu kiện Quyết định 544/QĐ-CT-NQD2 và Quyết định số 2606/QĐ/CT-NQD2:

+ Quyết định số 544/QĐ-CT-NQD2:

- Không cho khấu trừ 817.535.000 đồng thuế GTGT đầu vào 02 hóa đơn do Công ty Cổ phần V xuất cho D (Công ty V không hoạt động tại địa chi kinh doanh, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hóa đơn không còn giá trị sử dụng).

- D khai sai thuế suất hàng bán ra (Doanh nghiệp khai 5%, cơ quan thuế điều chỉnh lên 10%) dẫn đến số tiền thuế GTGT truy thu 182.075.000 đồng. Hành vi khai sai thuế suất là hành vi trốn thuế nên D bị xử phạt 1 lần thuế GTGT là 182.075.000 đồng.

- Tổng cộng số thuế truy thu và phạt là:

Truy thu thuế GTGT: 999.610.000 đồng

Phạt 1 lần thuế GTGT: 182.075.000 đồng

Phạt vi phạm hành chính: 500.000 đồng

Do chỉ tiêu thuế GTGT phải nộp của D (sau khi truy thu 999.610.000 đông) vẫn âm nên không phát sinh số thuế GTGT phải nộp bổ sung.

Ghi chú: Nội dung xử lý về thuế của Quyết định số 544/QĐ-CT-NQD2 không liên quan đến vụ việc điều tra theo kết luận của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H (PC46) nêu trong Công văn số 1222/CV-PC46(Đ8) ngày 21/5/2012 gửi Cục T.

+ Quyết định số 2606/QĐ-CT-NQD2:

Thu hồi thuế GTGT đã hoàn trong kỳ từ tháng 12/2000 - 04/2001, kỳ từ tháng 05/2001 - 08/2001 (D mua hàng của Chi nhánh Công ty I tại Đồng Nai và theo Văn bản số 76/CT/TTr ngày 17/01/2003 của Cục Thuế tỉnh Đ v/v cảnh báo sử dụng hóa đơn không hợp pháp của Chi nhánh Công ty I và Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ đang tiến hành làm rõ).

Tổng cộng xử lý về thuế

Thu hồi thuế GTGT: 3.728.184.715 đồng.

Truy thu thuế GTGT: 862.190.442 đồng.

Truy thu thuế TNDN: 1.287.537.727 đồng.

Trong kỳ hoàn thuế từ tháng 12/2000 đến tháng 4/2001, từ tháng 5 đến tháng 8/2001, D có quan hệ mua hàng của chi nhánh Công ty I tại Đồng Nai.

Tổng số thuế GTGT đầu vào ghi trên các hóa đơn do Chi nhánh I xuất bán cho D tại các kỳ hoàn thuế của D là: 3.728.184.715 đồng, tương ứng với trị giá chưa thuế là 57.479.362.800 đồng.

Ngày 17/1/2003, Cục Thuế tỉnh Đ có công văn số 76/CT/TTr gửi Cục T thông báo về việc sử dụng hóa đơn không hợp pháp của chi nhánh I.

Vì vậy, Cục Thuế đã ban hành Quyết định xử lý số 2606/QĐXL-NQD2 ngày 07/04/2003 như sau:

Không thực hiện khấu trừ số thuế GTGT đầu vào, thu hồi vào ngân sách số thuế GTGT: 3.728.184.715 đồng.

Truy thu thuế GTGT và thuế TNDN trên khâu lưu thông:

Căn cứ biểu tỷ lệ thuế GTGT và tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu ban hành kèm theo Quyết định số 7265/QĐ-CT ngày 21/9/2001 của Cục T có quy định kinh doanh thương nghiệp khâu lưu thông (buôn chuyến) áp dụng tỷ lệ: Tỷ lệ(%) GTGT/DT: 15% ; Tỷ lệ (%) TNCT/DT: 7%

Thuế GTGT khâu lưu thông:

57.479.362.800 đồng x 15% x 10%=862.190.442 đồng;

Thuế TNDN khâu lưu thông:

57.479.362.800 đồng x 7% x 32%=1.287.537.727 đồng;

Tổng cộng số tiền thuế truy thu: 2.149.728.169 đồng.

D đã khiếu nại lần đầu Quyết định 544/QĐ-CT-NQD2 và Quyết định số 2606/QĐ/CT-NQD2.

Cục T1 đã có Quyết định giải quyết khiếu nại số 917/QĐ-GQKN ngày 7/10/2003 không công nhận nội dung khiếu nại của D.

Sau đó, D không tiếp tục khiếu nại, khiếu kiện là đã đồng ý việc xử lý về thuế của Quyết định 544/QĐ-CT-NQD2 và Quyết định số 2606/QĐ/CT-NQD2.

D có đơn ghi ngày 15/11/2012 khiếu kiện Quyết định 544/QĐ-CT-NQD2 và Quyết định số 2606/QĐ/CT-NQD2 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2a Điều 104 Luật Tố tụng hành chính.

Chủ D cho rằng do bị PC46 bắt ngày 29/07/2004 nên không thể thực hiện việc khiếu nại lần 2 hoặc khởi kiện là điều vô lý vì:

- Từ khi có Quyết định giải quyết khiếu nại số 917/QĐ-GQKN đến ngày chủ D bị bắt là hơn 8 tháng.

- Cục T đã có Văn bản số 1190/CT-PC ngày 11/3/2013 hỏi Tổng cục T3 về việc D có hay không có khiếu nại lần hai tại Tổng cục Thuế 02 Quyết định kể trên. Ngày 05/4/2013, Tổng cục T3 có Văn bản số 1124/TCT-KTNB trả lời: Không nhận được đơn, hồ sơ khiếu nại lần 2 của D gửi Tổng cục T3.

Vì lý do kể trên, đề nghị: Tòa án không thụ lý nội dung khiếu kiện Quyết định 544/QĐ-CT-NQD2 và Quyết định số 2606/QĐ/CT-NQD2. Đồng thời Quyết định giải quyết khiếu nại số 917/QĐ-GQKN đã hết thời hiệu khởi kiện nên người bị kiện không cung cấp Quyết định giải quyết khiếu nại số 917/QĐ-GQKN.

2. Vấn đề khiếu kiện Quyết định hành chính số 4794/QĐ-CT-KT4.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H (PC 46) có Công văn số 1222/CV-PC46 ngày 21/05/2012 gửi Cục Thuế Thành phố H nêu rõ:

"Căn cứ kết quả điều tra xác minh, nhận thấy: Việc mua hàng hải sản là do Hồ Thanh H tổ chức thu mua nguồn hải sản các loại của các thương lái mua gom của các ngư dân đánh bắt ngoài biển ở Tiền Giang, Bến Tre, Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, Đồng Tháp, Vũng Tàu, Phước H1 và Phan T2. Hồ Thanh H không lập bảng kê 04 mà bàn với Lê Huy C2 – Kế toán trưởng - quan hệ XN DVKD Nông sản, XN CBKD Nông sản, CN I, Cty TNHH Thương binh Đ, CN C4 hợp thức hóa chứng từ, bằng hình thức ký các hợp đồng mua bán hải sản, giao hàng tay ba, để các đơn vị này xuất cho D và C5 tờ hóa đơn GTGT khống để hợp thức hóa đầu vào số hàng hải sản do Hồ Thanh H mua trôi nổi, để lập hồ sơ xin hoàn thuế số hàng đã xuất khẩu bán cho nước ngoài và kê khai khấu trừ số hải sản bán trong nước. Hồ Thanh H được hoàn số tiền thuế là 6.858.359.374 đồng và được

khấu trừ số tiền thuế GTGT là 18.633.958.059 đồng. Hành vi trên đã phạm tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tiền thuế; lưu hành các giấy tờ có giá khác".

Tuy nhiên, xét về mặt thiệt hại tiền của Nhà nước do Hồ Thanh H Giám đốc Công ty TNHH H sử dụng hóa đơn GTGT không hợp pháp của X, XN CBKD Nông sản, CN - I, CN C4, Đ để hoàn thuế và khấu trừ thuế GTGT gây ra, cần phải được xử lý và thu hồi. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H đề nghị Cục Thuế Thành phố H tiến hành xử lý hành chính và truy thu thuế theo thẩm quyền (kết quả xử lý hành chính thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra biết)."

Căn cứ nội dung được trích dẫn kể trên, Cục trưởng Cục T đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4794/QĐ-CT-KT4 đối với D với số thuế GTGT truy thu 16.959.077.982 đồng như sau:

a. Về Thuế GTGT:

D đã vi phạm điều 13 Luật Thuế GTGT số 02/1997/QH9, bị xử lý theo điều 19 của Luật thuế GTGT số 02/1997/QH9 và các văn bản hướng dẫn xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế hiện hành.

Thu hồi thuế GTGT đã khấu trừ:

(13.828.903.323 – 3.728.184.715) = 10.100.718.608 đồng.

Ghi chú: 3.728.184.715 đồng là số thuế GTGT đầu vào các hóa đơn do Chi nhánh Công ty I xuất cho D đã thu hồi theo Quyết định xử lý số 2606/QĐXL-NQD2 ngày 07/04/2003.

Thu hồi thuế GTGT đã hoàn: 6.858.359.374 đồng

b. Về Thuế TNDN:

Căn cứ kết luận điều tra cho thấy D sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để hợp thức hóa hàng hóa mua trôi nổi, không có chứng từ theo quy định nên cơ quan thuế ấn định lại giá vốn hàng hóa để tính lại nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do hành vi vi phạm phát sinh trong khoản thời gian từ tháng 11/1999 đến tháng 8/2001, đến thời điểm xử lý là đã hơn 11 năm. Vì vậy, việc tìm thông tin, cơ sở dữ liệu để xác định giá vốn hàng hóa có khó khăn, cơ quan thuế tạm chấp nhận giá vốn ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ mua bán (giá ghi trên hóa đơn đầu vào) nên không xử lý về thuế TNDN.

c. Về xử phạt vi phạm hành chính:

Theo Điều 12 của Nghị định số 22-CP ngày 17/4/1996 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thì: "Hành vi khai man trốn thuế thời hiệu xử phạt là 03 năm kể từ ngày hành vi vi phạm được phát hiện". Do đó, đến thời điểm xử lý hành vi vi phạm đã hết thời hiệu xử phạt.

Cục Thuế Thành phố H ghi nhận tổng số tiền 2.035.632.902 đồng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H theo các chứng từ sau:

Ủy nhiệm chi số 69, mẫu số C4-02/KB ngày 14/08/2012, nội dung: Chuyển tiền theo Công văn số 3555/CV-PC46 (Đ8) ngày 06/08/2012, Quyết định xử lý vật chứng số 2067 ngày 03/08/2012 của Phòng CSĐTTP về TTQL Kinh tế và Chức vụ Công an Thành phố H, số tiền: 860.000.000 đồng.

Ủy nhiệm chi số 53, mẫu số C4-02/KB ngày 22/8/2012, nội dung: vụ án Hồ Thanh H cùng đồng bọn can tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trốn thuế, lưu hành các giấy tờ có giá giả khác" theo quyết định xử lý vật chứng số 280/QĐXLVC-PC46(Đ8) ngày 03 tháng 08 năm 2012 và Công văn đề nghị chuyển tiền tang vật số 2082/CV-PC46(Đ8) ngày 06 tháng 8 năm 2012 của Phòng PC46 Công an Thành phố H, số tiền 1.175.632.902 đồng.

Số tiền 1.800.000.000 đồng là do ông H - Giám đốc D và Công ty TNHH H đã tự giác mang nộp tại Cơ quan điều tra và Cục T tiếp nhận số tiền này theo đề nghị của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H.

Từ đó, người bị kiện xác định các quyết định hành chính về thuế là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Hải Y trình bày: tôi là vợ ông Hồ Thanh H, tôi có cùng ý kiến và yêu cầu với ông H. Tôi yêu cầu được vắng mặt trong các phiên làm việc, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H vắng mặt và đã có Văn bản số 9978/PC03-Đ8 ngày 07/10/2022 với nội dung như sau:

Ngày 12/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H nhận được Văn bản số 2345/CT-NVDTPC ngày 06/3/2020 của Cục thuế Thành phố H về việc xử lý D theo kết luận và yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Công văn số 4060/PC03-Đ8 ngày 07/4/2020 về việc phúc đáp Công văn số 2345/CT-NVDTPC.

Đối với số tiền 1.800.000.000 đồng ông H và bà Y nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H theo các Biên bản tạm giữ, đồ vật, tài sản ngày 03/3/2004, 06/4/2004 và 08/4/2005, cụ thể như sau:

+ Biên bản tạm giữ, đồ vật, tài sản đề ngày 03/3/2004 do ông H nộp số tiền 500.000.000 đồng và Phiếu nhập vật chứng số 94/03 ngày 03/3/2004 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H". Nội dung: "Số tiền mang đến nộp vi phạm trong quá trình kinh doanh thủy sản"

+ Biên bản tạm giữ, đồ vật, tài sản đề ngày 06/4/2004 do ông H nộp số tiền 500.000.000 đồng và Phiếu nhập vật chứng số 153/04 ngày 06/4/2004 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H. Nội dung: "Số tiền mang đến nộp là tiền hoàn thuế".

+ Biên bản tạm giữ, đồ vật, tài sản đề ngày 08/5/2004 do bà Phạm Thị Hải Y (vợ ông H) nộp số tiền 500.000.000 đồng và Phiếu nhập vật chứng số 05/PNK ngày 08/4/2004 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H. Nội dung: "Số tiền mang đến nộp là tiền do chồng là Hồ Thanh H hợp thức hóa hóa đơn

GTGT để xin hoàn thuế chiếm đoạt tiền nhà nước, bà Y xin tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả cho chồng".

Sau khi tạm giữ, Cơ quan điều tra đã ra các lệnh nhập kho, phiếu nhập kho vật chứng đối với số tiền trên vào các ngày 30/3/2004, 06/4/2004 và 08/4/2005. Mặt khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không tạm giữ tiền theo Biên bản tạm giữ, đồ vật, tài sản ngày 24/9/2004 do ông H giao nộp. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có nhận số tiền 300.000.000 đồng của bị can H do Cơ quan Cảnh sát điều tra (C16) nay là C01 thu giữ tại tài khoản tạm giữ số: 921-90-013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C3 theo Công văn số 920B/C16 ngày 25/8/2005 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C3.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã tiến hành chuyển 02 khoản với tổng số tiền 2.035.632.902 đồng được hình thành trong quá trình điều tra vụ án (trong đó ông H và bà Y tự giác mang nộp số tiền 1.800.000.000 đồng, Xí nghiệp D nộp số tiền 46.000.000 đồng, Xí nghiệp D nộp số tiền 68.795.000 đồng, Chi nhánh I - Đồng Nai nộp số tiền 60.000.000 đồng, Chi nhánh C6 nộp số tiền 11.478.502 đồng và Chi nhánh M Công ty T5 nộp số tiền 59.609.400 đồng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) đến tài khoản số 741.01.00.03099 của Cục thuế Thành phố H, cụ thể như sau:

+ Giấy ủy nhiệm chị chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 69 đề ngày 14/8/2012 đến tài khoản số 741.01.00.03099 của Cục thuế Thành phố H số tiền 860.000.000 đồng. Nội dung thanh toán, chuyển tiền: Chuyển tiền theo Công văn số 3555/CV-PC46(Đ8) ngày 06/8/2012, Quyết định xử lý vật chứng số 2067 ngày 03/8/2012 của Phòng PC03 Công an Thành phố H (có photo chứng từ kèm theo).

+ Giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 53 đề ngày 22/8/2012 đến tài khoản số 741.01.00.03099 (554-000-4254) của Cục thuế Thành phố H, tổng số tiền 1.175.632.902 đồng. Nội dung thanh toán, chuyển tiền: Vụ án Hồ Thanh H cùng đồng bọn can tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trốn thuế, lưu hành các giấy tờ có giá giả khác" theo Công văn số 2082/CV- PC46(Đ8) ngày 06/8/2012, Quyết định xử lý vật chứng số 208 ngày 03/8/2012 của Phòng PC03 Công an Thành phố H (có photo chứng từ kèm theo).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chuyển số tiền 2.035.632.902 đồng (trong đó có số tiền 1.800.000.000 đồng của ông H) theo Văn bản số 5686/CT-KK ngày 30/7/2012 của Cục Thuế Thành phố H về việc tiếp nhận số tiền từ tài khoản tạm giữ của Công an Thành phố H đối với số tiền 2.035.632.902 đồng để Cục Thuế Thành phố H xử lý và truy thu thuế theo thẩm quyền tại Công văn số 1222/CV-PC46(Đ8) ngày 21/5/2012 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chưa có văn bản yêu cầu Cục thuế Thành phố H chuyển lại số tiền 2.035.632.902 đồng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 133/2023/HC-ST ngày 10 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Hồ Thanh H - chủ DNTN Chế biến thủy sản B, cụ thể như sau:

1.1. Hủy các quyết định hành chính sau: Quyết định xử lý số 2606/QĐXL-NQD2 ngày 07/4/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H; Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 310/QĐ-CT-KT4 ngày 29/01/2013 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

1.2. Hủy một phần Quyết định 917/QĐ-GQKN, ngày 07/10/2003 của Cục trưởng Cục T V/v giải quyết khiếu nại liên quan quyết định 2606/QĐXL-NQD2.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện tuyên bố hành vi hành chính của Cục Thuế Thành phố H đang giữ số tiền 1.800.000.000 đồng của vợ chồng ông Hồ Thanh H và bà Phạm Thị Hải Y là trái pháp luật và yêu cầu Cục Thuế Thành phố H trả lại 1.800.000.000 đồng đang cầm giữ trái pháp luật do người khởi kiện không có quyền khởi kiện.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Cục Thuế Thành phố H ra quyết định hoàn thuế số tiền 1.631.152.488 đồng và tiền lãi do người khởi kiện đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định xử lý số 544/QĐ/CT-NQD2 ngày 22/01/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H và một phần Quyết định số 917/QĐ-GQKN ngày 07/10/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại liên quan đến Quyết định xử lý số 544/QĐ/CT-NQD2 ngày 22/01/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H do hết thời hiệu khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/02/2023, người khởi kiện ông Hồ Thanh H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 544/QĐ/CT-NQD2, ngày 22/01/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H và một phần Quyết định số 917/QĐ-GQKN, ngày 07/10/2002 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại liên quan đến Quyết định xử lý 544/QĐ/CT-NQD2.

Ngày 23/02/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1018/QĐ-VKS-HC, kháng nghị bản án Hành chính sơ thẩm số 133/2023/HC-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại với lý do: Tòa cấp sơ thẩm chưa thu thập được Quyết định số 917/QĐ-GQKN ngày 07/10/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại liên quan đến Quyết định xử lý số 544/QĐ/CT-NQD2 và Quyết định xử lý số 2606/QĐXL-NQD2 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố

H mà xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Hồ Thanh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Luật sư Đỗ Hiền N trình bày: Quyết định xử lý số 544/QĐ/CT-NQD2 là trái pháp luật vì khi có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì các quyết định này phải bị hủy bỏ, do vậy không được tính thời hiệu khởi kiện. Quyết định số 917/QĐ-GQKN giữ nguyên Quyết định xử lý số 544/QĐ/CT-NQD2 là không đúng. Sau khi nhận Quyết định số 917/QĐ-GQKN, ông H không đồng ý nên có khiếu nại đến Tổng cục thuế, lúc đó có ông Nguyễn Xuân H2 nhận đơn nhưng sau đó ông bị cơ quan công an bắt giam nên ông không thể tiếp tục thực hiện khiếu nại; đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: tại cấp sơ thẩm người khởi kiện và người bị kiện không cung cấp được Quyết định 917/QĐ-GQKN. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, người bị kiện đã cung cấp được cho Tòa án bản chính của quyết định này; đồng thời các bên đều thừa nhận nội dung của Quyết định. Do đó, xét lý do kháng nghị không còn nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung: sau khi nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 917/QĐ-GQKN, ông H cho rằng có nộp đơn khiếu nại lần 2 và có ông Nguyễn Xuân H2 (nguyên là trưởng phòng Thanh tra) xác nhận Tổng cục thuế đại diện phía nam có nhận được đơn khiếu nại của ông H. Tuy nhiên theo công văn trả lời của T3 thì không có cơ sở xem xét, giải quyết lại khiếu nại của ông H do hồ sơ lưu trữ không thể hiện Tổng cục Thuế nhận được đơn khiếu nại lần 2 của ông H. Do đó, xét thấy thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 544/QĐ/CT-NQD2 là đã hết nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Hồ Thanh H và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào các ngày 07/11/2012 và 15/11/2012, người khởi kiện nộp Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 544/QĐ/CT-NQD2 ngày 22/01/2003; Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính; Yêu cầu Cục Thuế Thành phố H trả lại 1.800.000.000 đồng đang giữ trái pháp luật. Vào các ngày 30/6/2022, 20/7/2022 và 22/7/2022, người khởi kiện có khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 917/QĐ-GQKN ngày 07/10/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại Quyết định xử lý số 544/QĐ/CT-NQD2 và Quyết định xử lý số 2606/QĐXL-NQD2; Quyết định số 310/QĐ-CT-KT4 ngày 29/01/2013 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 4794/QĐ-CT-KT4 ngày 13/11/2012 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

[2.2] Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông H, Bản án sơ thẩm đã xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H chỉ kháng cáo yêu cầu xem xét đối với Quyết định số 544/QĐ/CT-NQD2 và một phần Quyết định 917/QĐ-GQKN; các phần khác của bản án sơ thẩm ông H không kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét nội dung kháng cáo của ông H và nội dung Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện

[3.1] Người khởi kiện ông Hồ Thanh H thừa nhận đã nhận được Quyết định số 544/QĐ/CT-NQD2 ngày 22/12/2002 và Quyết định số 2606/QĐXL-NQD2 ngày 07/04/2003 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, nhưng không đồng ý nên đã tiến hành khiếu nại đến Cục Thuế Thành phố H. Kết quả giải quyết khiếu nại là Quyết định số 917/QĐ-GQKN ngày 07/10/2003; theo đó, Cục trưởng Cục thuế Thành phố H không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên hai quyết định trên.

[3.2] Ông H cho rằng, sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 917/QĐ-GQKN, ông đã tiếp tục gửi đơn khiếu nại lên T3, và trong thời gian chờ T3 giải quyết thì ngày 29/7/2004, ông bị Cơ quan Điều tra khởi tố và bị bắt tạm giam để điều tra về hành vi "Trốn thuế" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", nên ông không biết được kết quả giải quyết của T3; Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu tuyên hủy 2 Quyết định trên là đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đình chỉ yêu cầu này với lý do hết thời hiệu là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông.

Tại cấp phúc thẩm, ông Hồ Thanh H có đơn trình bày và cung cấp thông tin là vào năm 2003 ông có đến Văn phòng đại diện phía nam Tổng cục thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh để nộp đơn khiếu nại Quyết định số 917/QĐ-GQKN và ông Nguyễn Xuân H2 - nguyên là trưởng phòng Thanh tra xác nhận (ông H2 ký xác nhận vào văn bản trình bày). Sau khi xem xét đơn trình bày có xác nhận của ông H2, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi nhiều văn bản đến Tổng cục T3 yêu cầu xem xét lại quá trình khiếu nại của ông H. Tuy nhiên, T3 có các văn bản: Công văn số 3999/TCT-KTNB, ngày 11/9/2024 và công số 5665/TCT-KTNB ngày 03/12/2024 đều trả lời không có cơ sở xem xét giải quyết khiếu nại của ông H với lý do: Hồ sơ lưu trữ không thể hiện Tổng cục Thuế nhận được đơn khiếu nại lần 2 của ông H.

[3.3]ét thấy, ngày 22/12/2002, Cục Thuế Thành phố H ban hành Quyết định xử lý về Thuế số 544/QĐ-CT-NQD2 đối với D do ông Hồ Thanh H làm giám đốc. Sau khi nhận được quyết định trên, ông H khiếu nại. Cục Trưởng Cục Thuế Thành phố H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 917/QĐ-GQKN ngày 07/10/2003 với nội dung: *"không công nhận nội dung khiếu nại của D"*. Ông H cho rằng ông có gửi đơn khiếu nại đến T3. Tuy nhiên, Tổng cục T3 có Văn bản số 1124/TCT-KTNB trả lời: *"Không nhận được đơn, hồ sơ khiếu nại lần 2 của D gửi Tổng cục Thuế"*. Ngoài lời trình bày thì ông H không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời khai của mình. Mặt khác, theo trả lời của Cục Thuế Thành phố H thì *"Nội dung xử lý về thuế của Quyết định số 544/QĐ-CT-NQD2 không liên quan đến vụ việc điều tra theo kết luận của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H (PC46) nêu trong Công văn số 1222/CV-PC46(Đ8) ngày 21/5/2012 gửi Cục Thuế"*. Như vậy, kể từ ngày Cục trưởng Cục thuế Thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 917/QĐ-GQKN ngày 07/10/2003 thì đến ngày 15/11/2012 ông H mới khởi kiện Quyết định số 544/QĐ-CT-NQD2. Trong khi đó, Quyết định giải quyết khiếu nại số 917/QĐ-GQKN được ban hành ngày 07/10/2003; đến ngày 29/7/2004, ông H mới bị Cơ quan Điều tra bắt tạm giam để điều tra về hành vi "Trốn thuế" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (thời gian hơn 9 tháng ông mới bị khởi tố). Như vậy là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh, thấy rằng: sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ chí Minh đã ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1018/QĐ-VKS-HC với nội dung kháng nghị bản án Hành chính sơ thẩm số 133/2023/HC-ST ngày 10/2/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh với lý do chưa thu thập được Quyết định số 917/QĐ-GQKN nên chưa có cơ sở giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Cục T đã cung cấp được quyết định này (trước đây bị thất lạc không thể cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm). Đồng thời, các bên đều thừa nhận

nội dung của quyết định. Do lý do kháng nghị không còn nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đã rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Hồ Thanh H phải chịu án phí theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 241 Luật tố tụng hàng chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 1018/QĐ-VKS-HC ngày 23/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ chí Minh.

2. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Hồ Thanh H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 133/2023/HC-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Hồ Thanh H phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004297 ngày 13/03/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thị Thụy Vũ	**Nguyễn Thị Thúy Hòa**	**Lê Văn An**